

Bản án số: 50/2024/HS-ST
Ngày: 28/5/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Ngọc Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Thái Ngọc Minh**

2. Ông **Đoàn Văn Tâm**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Hoàng Minh Hiếu** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*
Ông **Kha Hữu Chí** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Văn G, sinh năm 2000 tại An Giang; nơi ĐKTT: Tổ G, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 05/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Lê Thanh T, sinh năm 1971 và bà Hồ Thị C, sinh năm 1977; vợ Trần Thị Mỹ H; có một người em sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2023 cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Bà **Davtian A**; sinh năm 1990; quốc tịch: Nga

Địa chỉ: Phòng 132, nhà 15, đường Modogvodeiskaya, quận Kunsova, Thành phố Moscow – Nga.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Anh T1**, sinh năm 1981. (vắng mặt)

Thường trú: Tổ 13, ấp 3, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: Ấp Dương Tơ, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên

Giang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Phạm Tuấn A1**, sinh năm 1992. (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ G, ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

2. Anh **Nguyễn Phước N**, sinh năm 1992. (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ I, ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

3. Chị **Trần Thị Mỹ H**, sinh năm 2001. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã B, huyện K, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 02/12/2023 Lê Văn G làm lễ tân tại khách sạn T2 thuộc tổ G, ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang thì bà Davtian A là khách thuê phòng “Bãi Khem” ở khách sạn gặp G yêu cầu dọn dẹp, vệ sinh phòng nghỉ. Sau khi bà Davtian A rời khỏi khách sạn để đến khu S chơi thì một mình G vào phòng của bà Davtian A để dọn dẹp, lúc này G thấy có một cái vali màu đỏ, nằm ở dưới nền nhà, gần bàn trang điểm đã được khóa cẩn thận. Khi dọn phòng xong, G đi xuống khu vực bếp của khách sạn để lấy bàn chải đánh răng và kem đánh răng đưa vào phòng. Lúc này, G nghĩ đến việc cần tiền để chi xài cá nhân nên G đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Gắt lấy 01 cây dao Thái lan cán vàng ở dưới bếp và quay lại phòng để cạy chốt khóa vali, tìm kiếm tài sản bên trong để trộm cắp. Sau khoảng thời gian 15 phút, G mở được khóa vali của bà Davtian A, thấy bên trong vali có một cái túi màu trắng, sọc đen nên G đã mở cái túi này ra xem thì thấy bên trong có cất giữ nhiều tiền Đô la Mỹ (USD) và tiền Việt Nam. G đã lén lút lấy trộm 1.700 USD và 2.000.000 đồng, xong G lại bỏ chiếc túi vào vali khóa lại, để lại như vị trí ban đầu rồi nhanh chóng rời khỏi phòng và bỏ cây dao Thái lan vào trong bọc rác để ở phía trước của khách sạn T2 (ngày 03/12/2023 G ra đầu thú, Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không tìm thấy cây dao này). Trong khoảng thời gian từ 13 giờ đến 16 giờ ngày 02/12/2023, G đã tự đổi 1.700 USD được tổng số tiền là 38.670.000 đồng; trong đó G đổi 1.100 USD cho anh Phạm Tuấn A1 (là chủ khách sạn nơi vợ chưa cưới của G là Trần Thị Mỹ H làm việc, Tuấn A1 không biết đây là tiền do G phạm tội mà có) được 24.750.000 đồng và đổi 600 USD cho anh Nguyễn Phước N (là người quản lý tiệm V, N không biết đây là tiền do G phạm tội mà có) được 13.920.000 đồng. Sau đó, G đã mua một tai nghe Bluetooth nhãn hiệu

Apple, loại AirPods 2, màu trắng giá 2.300.000 đồng và ăn uống trong ngày, tổng cộng 2.710.000 đồng; còn lại 37.960.000 đồng G đem về chỗ làm việc của Trần Thị Mỹ H để cất giấu. Khoảng 14 giờ ngày 03/12/2023, bà Davtian A trình báo sự việc bị mất trộm tài sản, thì G đã đến Cơ quan công an đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp lại toàn bộ tài sản có liên quan vụ án.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 123/KL-HDDGTS ngày 12/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố P, tỉnh Kiên Giang kết luận: Giá trị 1.700 USD, gồm 17 tờ tiền, mỗi tờ tiền có mệnh giá 100 USD, thời điểm định giá ngày 02/12/2023 là 40.913.333 đồng.

* Ngày 03/12/2023, sau khi ra Cơ quan Công an đầu thú, thì bị cáo G đã tự nguyện giao nộp gồm: Tiền Việt Nam: 37.960.000 đồng; 01 (một) tai nghe Bluetooth nhãn hiệu Apple, loại AirPods 2, màu trắng, còn nguyên hộp (đã qua sử dụng).

* Ngày 04/12/2023, anh Nguyễn Phước N (người đổi tiền cho G) đã tự nguyện giao nộp tiền đô la Mỹ: 600 USD; anh Phạm Tuấn A1 (người đổi tiền cho G) đã tự nguyện giao nộp tiền đô la Mỹ: 1.100 USD.

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh K đã xử lý các vật chứng là tiền Việt Nam và đô la Mỹ cho bị hại và người có liên quan theo Quyết định xử lý vật chứng số 56, ngày 12/12/2023 và số 169, 170 cùng ngày 02/02/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại bà Davtian A đã nhận lại tài sản là 1.700 USD và 2.000.000 đồng, không yêu cầu gì khác.

Tại bản cáo trạng số: 31/CT-VKSTKG-P2 ngày 13/3/2024 của Viện kiểm sát nhân tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Lê Văn G tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Đánh giá tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo. Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Các tình tiết có liên quan đến vụ án, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

Xử lý vật chứng theo quy định của Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo không có tranh luận với Viện kiểm sát và lời nói sau cùng trước

khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Xin được giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình chăm lo cho vợ sắp sinh con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo Lê Văn G làm lễ tân của khách sạn đã lén lút vào phòng bà Davtian A (quốc tịch Nga) thuê nghỉ của khách sạn T2 tọa lạc tại tổ G ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, bị cáo dùng dao Thái Lan cạy va li lấy số tiền 2.000.000 đồng và 1.700 USD của bà Davtian A, theo kết luận định giá tổng giá trị tài sản là 42.913.333 đồng. Hành vi của bị cáo G đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp tài sản của người khác. Nhất là, tại địa bàn bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là một trong những địa điểm du lịch, có nhiều du khách nước ngoài đến tham quan, lưu trú, nên việc phạm tội của bị cáo tạo ra một hình ảnh xấu, làm ảnh hưởng nghiêm trọng về tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên bị truy tố, xét xử theo quy định. Do đó, xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội nhằm để giáo dục bị cáo cũng như răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Sau khi phạm tội đã đầu thú, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường khắc phục toàn bộ thiệt hại; chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo

theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

[5] Về quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát: Về tội danh; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và mức hình phạt là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn” là không phù hợp, vì: Sau khi bị cáo trộm cắp tài sản của bị hại, thì tiến hành đổi USD ra tiền Việt Nam đồng và sử dụng tiền trộm cắp mua sắm tài sản và chi xài cá nhân. Đến khi bị hại bà D Alina trình báo sự việc mất trộm tài sản, thì đến thời điểm này bị cáo nhận thấy không thể trốn tránh được nên đến Cơ quan công an đầu thú, chứ không phải là nguyên nhân khách quan nằm ngoài ý muốn của bị cáo. Trong trường hợp này bị cáo chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ khoản 2 Điều 51 là “Đầu thú”.

[6] Về hình phạt: Xét thấy, bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục toàn bộ hậu quả. Do vậy, cho đến thời điểm này hành vi phạm tội của bị cáo không còn nguy hiểm cho xã hội và vợ của bị cáo là Trần Thị Mỹ H đang chuẩn bị sinh con trong điều kiện gia đình khó khăn. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự và khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự xử phạt tù bị cáo bằng với thời gian tạm giữ, tạm giam, trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[7] Về vấn đề trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Davtian A là người có quốc tịch N1, đến P để du lịch, sau khi sự việc xảy ra đã được trao trả đầy đủ các tài sản bị mất, được đảm bảo các quyền lợi khi tham gia tố tụng trong vụ án và không có yêu cầu gì khác. Hiện nay bị hại đã rời khỏi Việt Nam đã ủy quyền cho ông Trần Anh T1 đại diện tham gia tố tụng, ông T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến trong hồ sơ vụ án là không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Lê Văn G** phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo **Lê Văn G 05 (năm) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày tù.**
Thời hạn tù được tính kể từ ngày 04/12/2023. Thời hạn phạt tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam.

2. Căn cứ vào Điều 299; khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả tự do cho bị cáo Lê Văn G ngay tại phiên tòa.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) tai nghe Bluetooth nhãn hiệu Apple, loại AirPods 2, màu trắng, còn nguyên hộp (đã qua sử dụng). Theo Lệnh nhập kho vật chứng số 162/LNK-CSHS ngày 26/02/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh K.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Lê Văn G phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt thì có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo qui định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại tp. HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1)
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Trại tạm giam - CA tỉnh KG;
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Người liên quan (1);
- Luật sư (1);
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Ngọc Hồng